TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST Ngày 28-4-2026 V/v ly hôn	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phằng.

2. Ông Trần Văn Khổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 1406/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị M, sinh ngày 15/10/1971; CCCD: 052171016981; địa chỉ: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/01/1963; CCCD: 052063014027; địa chỉ: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày: Bà và ông T có tổ chức đám cưới vào năm 1988, đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống ba năm trở lại đây vợ chồng bà liên tục cãi vã, chồng bà thường xuyên uống rượu chửi bà có khi còn đánh bà. Thời gian trước đó và sau này bà phát hiện ông T ngoại tình với nhiều phụ nữ ở bên ngoài. Vợ chồng bà đã sống ly thân một năm nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vì vậy hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định tâm lý, cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 03/02/1991; Nguyễn Thị Bích T2, sinh ngày 24/6/1998 và Nguyễn Thị Nhi

N, sinh ngày 03/3/2004; Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đang cư trú tại xã A, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà M cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Võ Thị M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Gia Lai nên hôn nhân giữa bà M, ông T là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà M xin ly hôn vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi hay biện pháp nào thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Tuy là vợ chồng hợp pháp nhưng bà M và ông T không có tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà M được ly hôn ông T.

[5] Về quan hệ con chung: Bà M và ông T có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1991; Nguyễn Thị Bích T2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1998 và Nguyễn Thị Nhi N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2004; Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường. Bà M nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Cho bà Võ Thị M ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Võ Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001241 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai (Số 26/2025);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu